

TOÀ ÁN NHÂN DÂN H. TÂN YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH BẮC GIANG

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 22-8-2017

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Sửu

Bà Giáp Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Nam

Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:

Ông Dương Đức Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Tân Yên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 191/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Giáp Thị L, sinh năm 1987 (có mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn C, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

Địa chỉ: đội 7, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Trần Đăng C, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn C, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nhận ngày 05/7/2017, bản tự khai ngày 13/7/2017 và biên bản lấy lời khai ngày 24/7/2017 thì nguyên đơn là chị Giáp Thị L trình bày:

Chị kết hôn với anh Trần Đăng C năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Do anh C thường xuyên chơi bời cờ bạc, chị đã

thuyết phục nhiều lần nhưng anh C không thay đổi nên năm 2014 chị đã ly hôn với anh C. Sau đó anh C thay đổi một phần, tập trung làm ăn và xuống gia đình động viên chị để vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái. Chị thấy anh C thay đổi và vì thương con nên chị đồng ý quay về để đoàn tụ. Tháng 5/2015 chị và anh C đăng ký kết hôn lại tại UBND xã Q. Sau khi về chung sống thì anh C lại tiếp tục chơi bời, cờ bạc không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn từ tháng 8/2015. Đến cuối tháng 01/2016 chị và anh C xảy ra mâu thuẫn, anh C đánh chị nên chị đã đưa con chung về nhà mẹ đẻ ở. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Từ khi bỏ về nhà mẹ đẻ ở, anh C thỉnh thoảng có đến thăm con và động viên chị về đoàn tụ nhưng không được chị đồng ý thì anh C lại chửi bới, đe dọa chị. Thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh C.

Về con chung: chị và anh C có 01 con chung là Trần Đăng Q, sinh ngày 03/3/2012 hiện đang ở với chị. Ly hôn, chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung và ruộng canh tác: chị không yêu cầu xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa: chị L giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn, được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng ngày 25/7/2017 thì bị đơn là anh Trần Đăng C trình bày:

Anh kết hôn với chị Giáp Thị L năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q. Năm 2014, anh và chị L đã được Tòa án nhân dân huyện T giải quyết ly hôn. Tháng 5/2015 anh và chị L lại quay về đoàn tụ với nhau và đã đăng ký kết hôn. Đến cuối tháng 01/2016, vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn, anh đã đánh chị L nên chị L đã cùng con chung bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân đến nay. Sau khi chị L bỏ về nhà mẹ đẻ, anh thỉnh thoảng có đến thăm con và động viên chị L về đoàn tụ nhưng chị L không về. Chị L xin ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: nếu phải ly hôn, anh đồng ý để chị L tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trần Đăng Q, sinh ngày 03/3/2012. Do chị L không yêu cầu anh cấp dưỡng nên anh cũng đồng ý với ý kiến chị L.

Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung và ruộng canh tác: anh không yêu cầu xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa: anh C vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đảm bảo theo quy định.

Về nội dung: đề nghị xử cho chị L ly hôn với anh C và giao cho chị L nuôi dưỡng con chung là Trần Đăng Q, sinh ngày 03/3/2012. Anh C không phải cấp

dưỡng nuôi con chung cùng chị L và buộc chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến đề nghị của đương sự, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: ngày 05 tháng 7 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung của chị Giáp Thị L với bị đơn là anh Trần Đăng C có địa chỉ tại thôn C, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang là theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về việc xét xử vắng mặt anh Trần Đăng C:

Anh Trần Đăng C đã được nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh C là theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Giáp Thị L và anh Trần Đăng C kết hôn năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2015 ngày 11 tháng 6 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Q nên hôn nhân giữa chị L và anh C là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định của pháp luật. Đầu năm 2016, do vợ chồng mâu thuẫn nên chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân tới nay. Anh C có qua thăm con chung và động viên chị L về đoàn tụ nhưng chị L không đồng ý.

Tuy anh C không đồng ý ly hôn với chị L, nhưng qua xác minh thu thập chứng cứ đối với gia đình anh C, với các tổ chức đoàn thể tại thôn C nơi anh C đang sinh sống thì thấy vợ chồng chị L, anh C không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2016 đến nay, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể về đoàn tụ được với nhau. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị L để xử cho chị L được ly hôn với anh C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

[4] Về con chung: vợ chồng chị L, anh C có 01 con chung là Trần Đăng Q, sinh ngày 03/3/2012 hiện đang ở với chị L. Chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Xét về điều kiện hiện nay của chị L, hiện đang làm kế toán tại Công ty may Vert K, thu nhập đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L để giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Do chị L tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung nên không buộc anh C phải cấp dưỡng nuôi con với chị L là theo đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Sau khi ly hôn, anh C được quyền thăm nom con chung. Chị L và gia đình không được cản trở anh C thực hiện quyền thăm nom con chung theo quy định;

[5] Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung: do chị L, anh C đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết;

[6] Về án phí: chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Giáp Thị L được ly hôn với anh Trần Đăng C.

2. Về nuôi con chung: giao con chung Trần Đăng Q, sinh ngày 03/3/2012 cho chị Giáp Thị L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Sau khi ly hôn, anh C được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

3. Về án phí: chị Giáp Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2016/0003775 ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

Chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Lý